

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA



HỒ SƠ

CÔNG BỐ HỢP QUY

CHO SẢN PHẨM NƯỚC SINH HOẠT

Sản phẩm: Nước sinh hoạt

Đơn vị sản xuất: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu – thành phố Sơn La – tỉnh Sơn La

Điện thoại: 1900636761 ; Fax: 02123.854.839

Email: sowasucom@gmail.com

HỒ SƠ GỒM

- 1. BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**
- 2. BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM**
- 3. KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**
- 4. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP QUY**
- 5. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC**
- 6. GIẤY PHÉP ĐĂNG KÝ KINH DOANH NGHIỆP**
- 7. HỒ SƠ NĂNG LỰC**
- 8. QUYẾT ĐỊNH UBND**
- 9. QUY CHUẨN ĐỊA PHƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 01/2023/CNSL

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu – tổ 5 phường Tô Hiệu – Thành phố Sơn La – Tỉnh Sơn La

Điện thoại: 1900.63.67.61 Fax: 02123.854.539

E-mail: sowasucom@gmail.com.vn

CÔNG BỐ:

Sản phẩm: Nước Sạch sử dụng cho mục đích Sinh hoạt.

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật: QCDP 01:2023/SL, quy chuẩn kỹ thuật Địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Được ban hành kèm theo Quyết định số 06:2023/QĐ-UBND ngày 02/03/2023.

Thông tin bổ sung: Căn cứ đánh giá hợp quy theo thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, ngày 12/12/2012 Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017; Quyết định số 06:2023/QĐ-UBND ngày 02/03/2023.

Phương thức đánh giá sự phù hợp: Theo phương thức 1; thử nghiệm mẫu điển hình tại Điểm a, khoản 1, Điều 5 Thông tư 28/2012/BKHCN.

Loại hình đánh giá: Công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La. Báo cáo tự đánh giá ngày 29/03/2023

Công ty cổ phần cấp nước Sơn La xin cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do công ty sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Sơn La, Ngày 31 tháng 03 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quyết Chiến

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM
(Kèm theo bản tự công bố hợp quy số :01/CNSL/2023)

I. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Các thông số giám sát và mức công bố

1.1 Các thông số nhóm A

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
	Thông số vi sinh vật		
1	Coliform	CFU/100 ml	< 3
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 ml	< 1
	Thông số cảm quan vô cơ		
3	Arsenic (As)	mg/l	0.01
4	Clo dư tự do	mg/l	Trong khoảng 0,2 - 1
5	Độ đục	NTU	2
6	Màu sắc	TCU	15
7	Mùi, vị	-	Không mùi vị lạ
8	pH	-	6,0 – 8,5

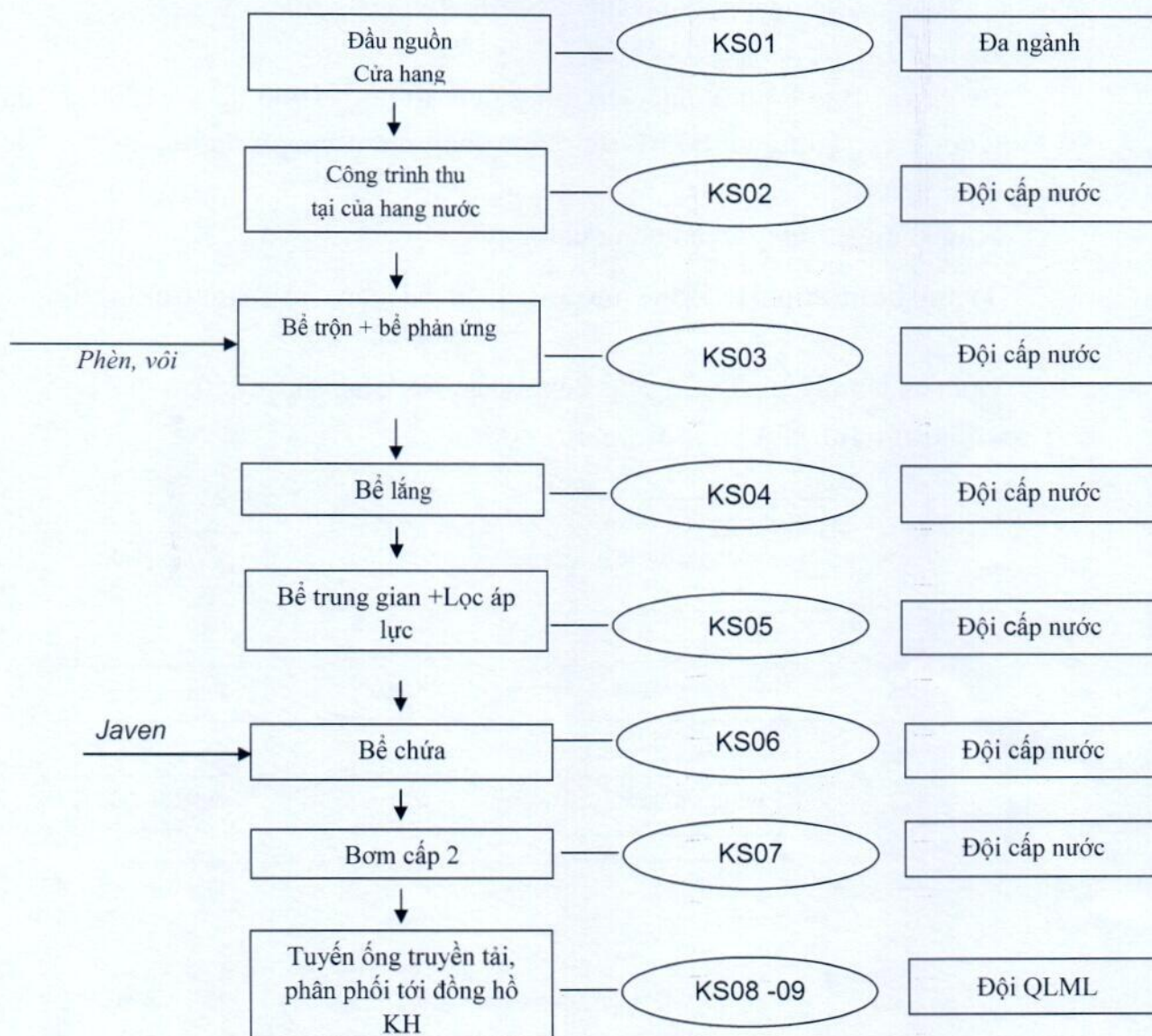
1.2 Các thông số nhóm B

	Thông số vi sinh vật		
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100mL	< 1
10	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/ 100mL	< 1
	Thông số vô cơ		
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	0,3
12	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/L	0,02
13	Hàm lượng Cadimi	mg/L	0,003
14	Chỉ số pecmanganat	mg/L	2
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	300
16	Mangan (Mn)	mg/L	0,1
17	Natri (Na)	mg/L	200
18	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	0,2

19	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	2
20	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	0,05
21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,3
22	Seleni (Se)	mg/L	0,01
23	Sunphat	mg/L	250
24	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1000
	Thông số hữu cơ		
	<i>Hydrocacbua thơm</i>		
25	Benzen	$\mu\text{g/L}$	10
26	Etylbenzen	$\mu\text{g/L}$	300
27	Phenol và dẫn xuất của Phenol	$\mu\text{g/L}$	1
28	Styren	$\mu\text{g/L}$	20
29	Toluen	$\mu\text{g/L}$	700
30	Xylen	$\mu\text{g/L}$	500
	Thông số hóa chất bảo vệ thực vật		
31	Carbofuran	$\mu\text{g/L}$	5
32	Chlorpyrifos	$\mu\text{g/L}$	30
33	Cyanazine	$\mu\text{g/L}$	0,6
34	DDT và các dẫn xuất	$\mu\text{g/L}$	1
35	Hydroxyatrazine	$\mu\text{g/L}$	200
36	MCPA	$\mu\text{g/L}$	2
37	Permethrin	$\mu\text{g/L}$	20
38	Propanil	$\mu\text{g/L}$	20
	Thông số hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ		
39	Bromodichloromethane	$\mu\text{g/L}$	60
40	Bromoform	$\mu\text{g/L}$	100
41	Chloroform	$\mu\text{g/L}$	300
42	Dibromochloromethane	$\mu\text{g/L}$	100

II. QUI TRÌNH SẢN XUẤT (có 2 mô hình nước mặt và nước dưới đất)

1. Lưu đồ qui trình sản xuất nước mặt



1.1. Thuyết minh:

Công trình thu: Ống nước thô: 01 ống D400 bằng gang dẻo; Khung bảo vệ họng thu: BTCT; Cửa thu (Crepin) được đặt ở độ sâu so với mực nước thấp nhất 1,5 m.

Bể trộn: Bể trộn đứng dùng để trộn vôi vào nước thô.

Bể phản ứng, bể lắng: Đây là loại bể bằng thép được đặt trong nhà

Bể phản ứng: 2 chiếc kèm máy khuấy

Bể lắng lamel: 2 chiếc

Thu nước sau lắng bằng 02 ống thép D300 sang bể trung gian bằng thép.

Bùn cặn được thu về mương gom và xả vào bể lắng bùn cặn nhà máy.

Trạm bơm trung gian: Sử dụng nước từ bể trung gian để lọc áp lực 02 máy bơm ly tâm trục ngang, công suất : $N = 30 \text{ kw}$, $Q = 290 \text{ m}^3/\text{h}$; $H = 27 \text{ m}$

Bể lọc: Bể lọc áp lực, 03 chiếc

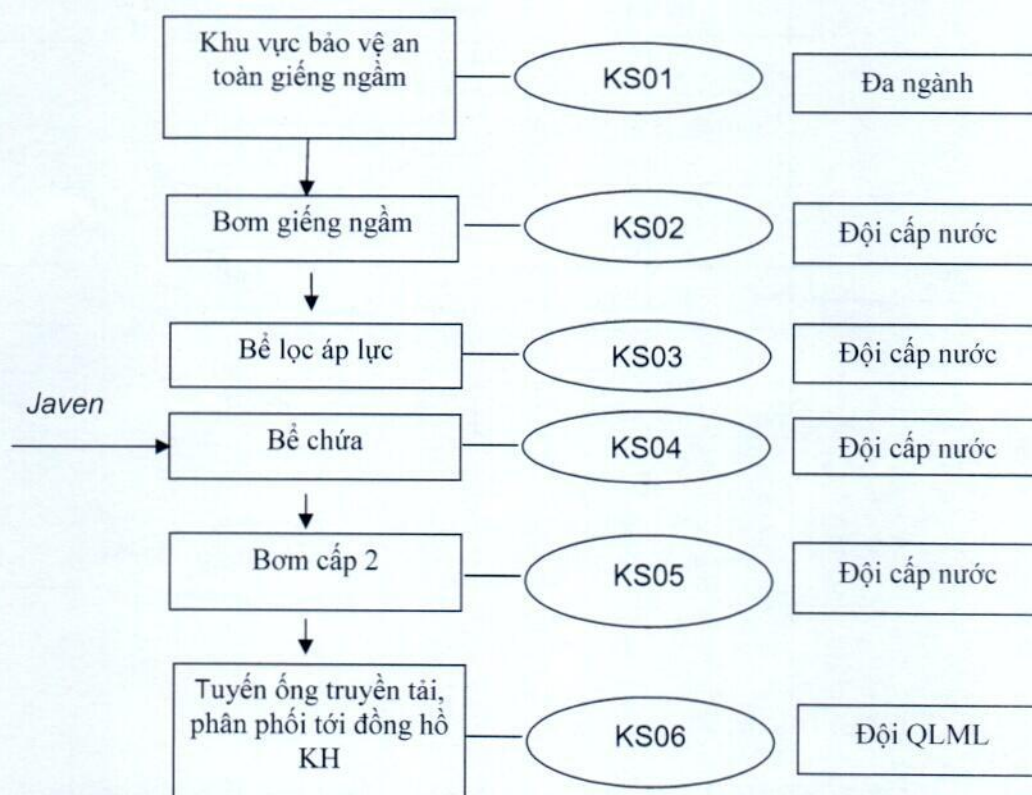
Bể chứa: Bao gồm 3 chiếc có dung tích 300 m^3 , 1000 m^3 và 1200 m^3 bằng bê tông cốt thép. Trong bể bố trí các đường ống nước vào, nước ra, xả tràn và hệ thống thông gió.

Khử trùng: Bằng Javen công nghiệp

Trạm bơm cấp II: Bơm nước sạch từ bể chứa ra mạng đường ống cấp nước:

Gồm 04 bơm ly tâm trục ngang, công suất : $N = 55 \text{ kw}$, $Q = 250 \text{ m}^3/\text{h}$; $H = 60 \text{ m}$

2. Lưu đồ qui trình sản xuất nước dưới đất.



2.1. Thuyết minh

- Giếng khoan có độ sâu khoảng 70m.
- Đường kính giếng: Ống chống D219mm, ống lọc D146mm.
- Tầng khai thác từ 20 - 32 m
- Máy bơm ngầm loại SALMSON-FRANCE có lưu lượng $Q = 50 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 52 \text{ m}$, $N = 7,5 \text{ kw}$

Bể lọc áp lực: Bao gồm 3 bể bằng INOX có D1,5m, H1,8m cùng với hệ đường ống dẫn nước vào, ra và van điều khiển kiểu van bướm.

Qua trình lọc nước và rửa lọc sử dụng nguồn nước thô từ giếng khoan kết hợp nước sạch từ mạng lưới đưa về.

Bể chứa: Bao gồm 01 chiếc có dung tích 200 m^3 bằng bê tông cốt thép. Trong bể bố trí các đường ống nước vào, nước ra, xả tràn và hệ thống thông hơi.

Khử trùng: Bằng Javen công nghiệp

Trạm bơm cấp II: 02 máy bơm ly tâm trực ngang có công suất $N = 18,5 \text{ kw}$, $Q = 86 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 60\text{m}$. *J*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Trần Quyết Chiến

Số: 209/BC-CN

Sơn La, ngày 29 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ HỢP QUY**

- 1. Ngày đánh giá:** ngày 15 tháng 03 năm 2023
- 2. Địa điểm đánh giá:** Phòng Quản lý chất lượng – Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
- 3. Tên sản phẩm:** Nước Sạch sử dụng cho mục đích Sinh hoạt
- 4. Số hiệu tiêu chuẩn / quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.**
QCDP 01:2023/SL Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- 5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm:** Sở khoa học công nghệ Sơn La- Trung tâm kỹ thuật đo lường chất lượng – phòng thử nghiệm (VLAT 0142 :ISO 9001 :2015 LAS-XD 1098) và Bộ phận hóa nghiệm - phòng Quản lý chất lượng - Công ty cổ phần cấp nước Sơn La (VLAT 1.0206; ISO/IEC 17025:2017)
- 6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm:** Trên cơ sở kết quả phân tích số: 2023.03.02.17/ TN ngày 02/03/2023 của Trung tâm kỹ thuật đo lường chất lượng Sơn La và kết quả phân tích số: 108/2023 ngày 16/02/2023 của Bộ phận thử nghiệm - phòng Quản lý chất lượng - Công ty cổ phần cấp nước Sơn La, đối với nước sinh hoạt cho thấy: Có tổng số 42 chỉ tiêu: Trong đó 42 chỉ tiêu thấp hơn hoặc không phát hiện so với QCDP 01:2023/SL Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. (có phiếu kết quả kèm theo) đảm bảo yêu cầu cấp nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La quản lý trên địa bàn tỉnh Sơn La.

7. Các nội dung khác (nếu có):

8. Kết luận:

Sản phẩm nước sinh hoạt của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La phù hợp với QCDP 01:2023/SL Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Trên đây là báo cáo đánh giá hợp quy của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La đối với sản phẩm nước sinh hoạt Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung báo cáo đánh giá trên./.

**BỘ PHẬN ĐÁNH GIÁ
P. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
TRƯỞNG PHÒNG**



Đỗ Quang Phương

XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quyết Chiến

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: **Số 55 đường Tô Hiệu-Tổ 5 phường Tô Hiệu-TP Sơn La-Tỉnh Sơn La**

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

Sản phẩm: Nước sinh hoạt

Căn cứ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 03 năm 2023 của UBND tỉnh Sơn La Quyết định ban hành Quy chuẩn địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Căn cứ QCDP 01:2023/SL Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La

Công ty cổ phần cấp nước Sơn La xây dựng kế hoạch giám sát định kỳ nước sinh hoạt cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La xây dựng cơ sở sản phẩm nước sạch							
Kế hoạch giám sát định kỳ							
TT	Tần suất	Các chỉ tiêu giám sát	Quy định kỹ thuật áp dụng	Số mẫu lấy /cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/ kiểm tra	Phương pháp thử/ kiểm tra	Ghi chú
1	1 tháng/ lần	Các chỉ tiêu A	QCDP 01 : 2023/SL	0,5 lít	Tại phòng xét nghiệm đạt chuẩn theo quy định	Phương pháp thử áp dụng theo TCVN hiện hành	
2	6 tháng/ lần	Các chỉ tiêu B	QCDP 01 : 2023/SL	1 lít	Tại phòng xét nghiệm đạt chuẩn theo quy định	Phương pháp thử áp dụng theo TCVN hiện hành	

Trên đây là kế hoạch giám sát định kỳ đối với sản phẩm nước sinh hoạt của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.

Sơn La, ngày 20 tháng 03 năm 2023.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quyết Chiến

BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH SƠN LA
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 5500154649

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 04 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 07 tháng 01 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SON LA WATER SUPPLY JOINT-STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SOWASUCO

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 55, Đường Tô Hiệu, Tổ 5, Phường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

Điện thoại: 02123.854934; 0912 883 934

Fax: 02123.854539

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN QUYẾT CHIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/08/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 050311705

Ngày cấp: 17/06/2015

Nơi cấp: Công an Tỉnh Sơn La

Địa chỉ thường trú: Số nhà 353, đường Lò Văn Giá, tổ 6, Phường Chiềng Lè, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 353, đường Lò Văn Giá, tổ 6, Phường Chiềng Lè, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 08/01/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 011751556

Ngày cấp: 02/11/2006

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 50, ngõ 105, tổ 45, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 50, ngõ 105, tổ 45, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Triệu Tuấn Pha

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LỖ NGU
CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

20-04-2022

Số: 108 Quyển 1



CÔNG CHỨNG VIÊN

Lò Văn Ngụ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, Phường Chiềng Lề thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/ BM:KQTN - 01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 108/2023

Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 56/T2/2023
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 108/BB ngày 13 tháng 02 năm 2023



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	1.34	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	7.07	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi vị (*)	Cảm quan	Không	không có mùi, vị lạ	Cảm quan
4	Chỉ số pH	-	7.42	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
5	Clo dư	mg/L	0.68	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
6	Arsenic (*)	mg/L	KPH	0.01	Testkits HACH
7	Coliform tổng số	CFU/100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	<i>E.coli</i>	CFU/100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	280	300	TCVN6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	<0.02	0.05	TCVN6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.70	2	TCVN6186: 1996
4	Sắt	mg/L	0.19	0.3	TCVN6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.18	2	TCVN 6180:1996
6	Tụ cầu vàng	CFU/100mL	0	<1	SMEWW 9123B

7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881-2011

Sơn La, ngày 16 tháng 02 năm 2023

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**



Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương



P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT. .
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2023.03.02.17/TN

Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2023.02.13/BBGM. Ngày 13 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Amoni(*)	mg/l	0,006	0,3	SMEWW4500 NH ₄ ⁺ : 2017
02	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH	0,02	SMEWW 3125B:2017
03	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH	0,003	SMEWW 3113B:2017
04	Mangan (Mn)	mg/l	KPH	0,1	SMEWW 3111B:2017
05	Natri(*)	mg/l	2,30	200	SMEWW 3500 Na: 2012
06	Nhôm(*)	mg/l	0,13	0,2	TCVN 6665:2011
07	Seleni (Se)	mg/l	KPH	0,01	SMEWW 3125B:2017
08	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	3	250	SMEWW 4500SO ₄ ²⁻ E:2012
09	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	340	1000	SOP_AB-TDS
10	Benzen(*)	µg/l	<0,1	10	US EPA 8270D
11	Etylbenzen(*)	µg/l	< 10	300	US EPA 8270D
12	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	<0,01	1,0	US EPA 8270D
13	Styren(*)	µg/l	<5	20	US EPA 8270D

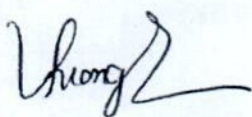
14	Toluen(*)	µg/l	<10	700	US EPA 8270D
15	Xylen(*)	µg/l	<10	500	US EPA 8270D
16	Carbofuran(*)	µg/l	<0,1	5	US EPA 1699
17	Chlorpyrifos(*)	µg/l	<0,1	30	US EPA 525.3
18	Cyanazine(*)	µg/l	<0,01	0,6	US EPA 525.3
19	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	<0,01	1	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
20	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 10	200	US EPA 525.3
21	MCPA(*)	µg/l	<0,01	2,0	US EPA 8260C
22	Permethrin(*)	µg/l	<0,1	20	US EPA 1699
23	Propanil(*)	µg/l	<0,1	20	US EPA 1699
24	Bromodichloromethane(*)	µg/l	<10	60	US EPA 551.1
25	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	<10	100	US EPA 551.1
26	Clorofom(*)	µg/l	<0,01	300	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
27	Dibromochloromethane(*)	µg/l	<10	100	US EPA 551.1

Sơn La, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc





Điền Thị Thương

Đỗ Mạnh Thắng

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG



CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM - PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lẻ, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận: Thử nghiệm Hóa, Thử nghiệm Sinh học
Mã số: VLAT-1.0206

Số: AOSC-1.0206.1
Ngày cấp: 27/02/2023
Giá trị đến: 26/02/2028



PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG



CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG SƠN LA
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA

Địa chỉ: Đường Bản Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận: Thử nghiệm Hóa, Thử nghiệm Điện - điện tử, Thử nghiệm Vật liệu xây dựng

Mã số: VLAT-1.0142

Số: AOSC-1.0142.1
Ngày cấp: 21/01/2021
Giá trị đến: 20/01/2026



GIÁM ĐỐC

PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM